

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST

Ngày: 18-3-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hồng Phong

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Bà Nguyễn Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2021/TLST-DS, ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Thông báo về việc dời thời gian xét xử số: 60/TB-TA ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: A

Địa chỉ: 266-278 NKKN phường VTS Quận B thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà D, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà N, chức vụ: chuyên viên kinh doanh thẻ - A – Chi nhánh Long An.

Địa chỉ liên hệ: 165-167-169 HV, phường H, thành phố TA, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm: 1992

Địa chỉ: ấp 3 xã NT huyện T, tỉnh Long An.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn A (gọi tắt là Ngân hàng) – do bà N - trình bày:

Vào năm 2017 giữa A và ông B có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, số thẻ: 356480-4262.

Hạn mức: 20.000.000 đồng

Mục đích: tiêu dùng cá nhân

Lãi suất thẻ: 2,5%/tháng

Phương thức thanh toán: chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên chủ thẻ sẽ có quyền lựa chọn thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 67.496.620 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 56.488.000 đồng. Thứ tự ưu tiên thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 19 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu: Ông B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/12/2021 là 48.040.778 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 20.270.330 đồng

Lãi vay: 27.770.448 đồng

Và tiền lãi phát sinh cho đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện theo mức lãi 2,6%/tháng.

Bị đơn ông B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có bản tự khai hay cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng ông Toàn vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu:

Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông B là phù hợp.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của A đối với ông B. Buộc ông B có trách nhiệm hoàn trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

A khởi kiện ông B yêu cầu thanh toán tiền vay và tiền lãi làm phát sinh quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

Do ông B có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Long An nên khi có yêu cầu khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do vắng mặt đương sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản xác minh của Công an xã NT xác nhận ông B có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp 3 xã NT, huyện T. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông B, ông B đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N, ông B.

[2] Về nội dung:

A khởi kiện yêu cầu ông B hoàn trả số tiền gốc vay là 20.270.330 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/3/2022 là 29.696.136 đồng, tổng cộng 49.966.466 đồng.

Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 05/9/2017, ông B có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, căn cứ vào mức thu nhập, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông B với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với lãi suất thẻ là 2,5%/tháng, mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Từ ngày được cấp thẻ, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 67.496.620 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 56.488.000 đồng. Thứ tự ưu tiên thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông B vẫn không có thiện chí trả nợ (Thư nhắc nợ ngày 18/10/2018, Biên bản làm việc ngày 19/10/2018, Biên bản làm việc ngày 14/8/2019, Thông báo khởi kiện ngày 05/10/2020, Biên bản làm việc ngày 06/10/2020). Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 19 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B vắng mặt. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, Công an xã NT, huyện T, tỉnh Long An xác nhận ông B có hộ

khẩu thường trú tại ấp 3 xã NT, huyện T, tỉnh Long An và hiện đang sinh sống tại địa phương. Toà án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông B như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà và chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp nhưng ông B vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối, cũng không có văn bản trình bày ý kiến là không chấp hành Thông báo của Toà án và mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 05/9/2017 buộc ông B trả số tiền vay gốc 20.270.330 đồng và tiền lãi 29.696.136 đồng, tổng cộng 49.966.466 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có căn cứ.

[3] Về án phí: Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 217, 219, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A đối với ông B về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông B có trách nhiệm hoàn trả cho A số tiền gốc vay là 20.270.330 và tiền lãi tính đến ngày 18/3/2022 là 29.696.136 đồng, tổng cộng 49.966.466 (bốn mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn, bốn trăm sáu mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.498.323 đồng.

A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại A 1.146.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002073 ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

3/ Án xét xử sơ thẩm công khai, vắng mặt tất cả các đương sự. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Án văn,
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thùy Diễm

